

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**VĂN THỊ THANH HUYỀN**

**QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHO VAY ĐỐI VỚI  
DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU TẠI NGÂN  
HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh  
Mã số: 60.34.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Thị Như Liêm**

**Phản biện 1: TS. NGUYỄN HIỆP**

**Phản biện 2: GS.TS NGUYỄN VĂN ĐÌNH**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 15 tháng 01 năm 2012

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Cho vay đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với mở rộng phát triển thương mại quốc tế nói riêng và kinh tế đối ngoại của Việt Nam nói chung, đặc biệt trong bối cảnh đất nước chúng ta đang trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng hơn. Để có thể mở rộng và nâng cao hiệu quả cho vay đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, quản trị rủi ro trở thành định hướng chiến lược quan trọng đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (VCB Đà Nẵng).

Hiện nay, về cơ bản hoạt động quản trị rủi ro tín dụng đối với loại hình doanh nghiệp này tại VCB Đà Nẵng vẫn còn rất hạn chế và cần thiết phải được ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, tôi chọn đề tài: ***“Quản trị rủi ro trong cho vay đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đà Nẵng”*** làm luận văn nghiên cứu của mình.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, phân tích thực trạng quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK tại VCB Đà Nẵng trong thời gian qua, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm góp phần tăng cường quản trị rủi ro trong thời gian đến.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là hoạt động cho vay xuất nhập khẩu và quản trị rủi ro trong cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu của ngân hàng thương mại

Phạm vi nghiên cứu là hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng với hệ thống số liệu được thu thập và xử lý trong giai đoạn 2007-2010.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu khoa học truyền thống được sử dụng bao gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh và diễn dịch, phương pháp lượng hoá v.v..., được sử dụng được vận dụng trong quá trình nghiên cứu và đề xuất các giải pháp, kiến nghị và kết luận.

### 5. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn được kết cấu thành 3 chương như sau:

*Chương 1: Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu của ngân hàng thương mại*

*Chương 2: Thực trạng quản trị rủi ro trong cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng*

*Chương 3: Quản trị rủi ro trong cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng*

## CHƯƠNG I CƠ SỞ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO CHO VAY ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1.1. Tín dụng cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu

#### 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp xuất nhập khẩu

*Khái niệm:* Kinh doanh xuất nhập khẩu là sự trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các nước thông qua hành vi mua bán. Sự trao đổi đó là một hình thức của mối quan hệ xã hội và phản ánh sự phụ thuộc

lẫn nhau về kinh tế giữa những nhà sản xuất hàng hóa riêng biệt của các quốc gia.

### **1.1.2. Vai trò của tín dụng đối với doanh nghiệp XNK**

Hoạt động cho vay xuất nhập khẩu là hình thức cho vay mang lại hiệu quả cao cho ngân hàng do giá trị hợp đồng mua bán ngoại thương lớn. Thời hạn cho vay xuất nhập khẩu thường là ngắn hạn do gắn liền với thời hạn của thương vụ mua bán, trong khi nguồn vốn huy động của NHTM phần lớn là ngắn hạn, vì vậy ngân hàng tránh được rủi ro thanh khoản

### **1.1.3. Các loại hình tín dụng cho vay xuất nhập khẩu:**

#### **1.1.3.1 Cho vay đối với DN xuất khẩu:**

NHTM cho các doanh nghiệp xuất khẩu vay dưới các hình thức như: cho vay thông thường, cho vay trên cơ sở hối phiếu, cho vay trên cơ sở phương thức thanh toán nhờ thu, hoặc thanh toán tín dụng chứng từ.

#### **1.1.3.2 Tín dụng cho vay DN nhập khẩu:**

Là tín dụng ngân hàng áp dụng cho DN NK được thực hiện theo các hình thức mở thư tín dụng thanh toán tiền hàng NK, chấp nhận hối phiếu, cho vay thấu chi thanh toán tiền hàng nhập khẩu, bảo lãnh hoặc tái bảo lãnh, cho vay thanh toán tiền hàng nhập khẩu.

## **1.2. Rủi ro tín dụng cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu**

### **1.2.1. Khái niệm; và đặc điểm rủi ro tín dụng**

*Khái niệm:* “RRTD trong hoạt động ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.”

*Đặc điểm của rủi ro tín dụng:* rủi ro tín dụng mang tính gián tiếp, rủi ro tín dụng có tính chất đa dạng và phức tạp, rủi ro tín dụng

có tính tất yếu tức luôn tồn tại và gắn liền với hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại.

### **1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng**

- Phân loại căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro.
- Phân loại theo tính khách quan và chủ quan của nguyên nhân gây ra rủi ro.
- Phân loại theo các hình thức khác.

### **1.2.3. Hậu quả của rủi ro tín dụng**

- Đối với ngân hàng bị rủi ro
- Đối với hệ thống ngân hàng
- Đối với nền kinh tế
- Trong quan hệ kinh tế đối ngoại

## **1.3. Quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK trong NHTM**

### **1.3.1. Nhận diện rủi ro cho vay DN XNK**

Cơ sở cho việc quản trị rủi ro tín dụng một cách có hiệu quả là việc xác định những rủi ro tiềm tàng và rủi ro hiện có trong bất cứ sản phẩm hay hoạt động nào của ngân hàng. Để nhận diện rủi ro cần xem xét:

- Rủi ro khách hàng và ngành hàng
- Rủi ro sản phẩm
- Rủi ro thanh toán gắn với các công cụ tài chính khác nhau
- Trình độ chuyên môn CBTD
- Mức độ tập trung của danh mục tín dụng.
- Rà soát báo cáo tài chính.
- Phân tích thông tin tài.
- Thăm thực địa khách hàng.
- Lập bảng câu hỏi nghiên cứu

### 1.3.2. Đo lường rủi ro tín dụng cho vay DN XNK

#### 1.3.2.1 Đánh giá rủi ro khách hàng vay

- Mô hình định tính về rủi ro tín dụng - Mô hình 6 C.
- Mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng

#### 1.3.2.2 Đánh giá rủi ro khoản vay

Nhằm tính xác suất rủi ro dự kiến hay tổn thất dự kiến theo khả năng vỡ nợ với mức độ tổn thất khi vỡ nợ và tổng dư nợ của khách hàng tại thời điểm khách hàng không trả được nợ.

#### 1.3.2.3 Đánh giá mức độ rủi ro tín dụng cho vay

### 1.3.3. Giám sát khoản vay, xử lý và khắc phục rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK

\*Giám sát từng khoản vay một cách thường xuyên nhằm phát hiện “dấu hiệu cảnh báo sớm” để có hành động khắc phục kịp thời.

\*Biện pháp khắc phục: Khi khoản vay của doanh nghiệp bị xếp vào nhóm nợ xấu, thì các biện pháp khắc phục sau đây có thể được áp dụng: Yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo nợ vay; Xác định phương án cơ cấu nợ; Thu hồi nợ.

\*Biện pháp xử lý rủi ro: Khi khoản vay bị xếp xuống nhóm nợ rủi ro cao thì ngân hàng có thể áp dụng các biện pháp xử lý sau: Phát mãi tài sản; Trả nợ thay; Khởi kiện; Bán nợ; Các biện pháp khuyến khích trả nợ; Xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro.

### 1.3.4 Phòng ngừa rủi ro cho vay DN XNK

Để phòng ngừa rủi ro có thể xảy ra, trước hết ngân hàng phải thực hiện các biện pháp sau:

- Giám sát tổng thể danh mục
- Dự phòng rủi ro
- Hệ thống cảnh báo sớm

## 1.4 Nhân tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro cho vay DN XNK

### 1.4.1 Nhân tố về cơ chế nhà nước

\**Nhân tố thuộc về môi trường kinh tế:* Chất lượng cho vay xuất nhập khẩu cũng bị tác động bởi các chiến lược phát triển kinh tế của Nhà nước, thị trường hàng hoá xuất nhập khẩu, mức độ cạnh tranh trên thị trường, chu kỳ kinh doanh. Tác động cụ thể là sự biến động của tỷ giá hối đoái và lãi suất trên thị trường tiền tệ và lạm phát.

- Vấn đề về tỷ giá: Khi tỷ giá hối đoái không ổn định, thường xuyên biến động thì các doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc trả nợ cho NHTM bằng ngoại tệ.

- Vấn đề lãi suất: Mức độ phù hợp giữa lãi suất trên thị trường với mức lợi nhuận của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu trong nền kinh tế cũng ảnh hưởng tới chất lượng cho vay xuất nhập khẩu của NHTM.

- Vấn đề lạm phát: Lạm phát có tác động không nhỏ đến hoạt động cho vay xuất nhập khẩu của NHTM.

\**Nhân tố thuộc về môi trường pháp lý:* Môi trường pháp lý tác động đến hoạt động ngân hàng thông qua hệ thống các luật và các văn bản pháp quy có liên quan đặc biệt là các pháp lệnh của NHNN, các chủ trương chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước.:

### 1.4.2 Nhân tố từ Khách hàng XNK

Khách hàng có vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cho vay. Một khoản cho vay chỉ gọi là có chất lượng khi mà nó được khách hàng sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Để đạt được điều đó bản thân khách hàng cũng cần phải chú trọng đến nhiều khía cạnh khác nhau như trình độ, đạo đức của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, khả năng tài chính...

### 1.4.3 Nhân tố từ phía ngân hàng

Bao gồm các nhân tố

- Chính sách cho vay:
- Công tác huy động vốn:
- Trình độ đội ngũ cán bộ khách hàng và cán bộ thẩm định:
- Quy trình tín dụng
- Thông tin tín dụng và thông tin ngành
- Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 1**

### **CHƯƠNG II THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VCB ĐÀ NẴNG**

#### **2.1. Khái quát về Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng**

##### **2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

Ban đại diện tại Trung Trung bộ đã ký Quyết định số 31/QĐ ngày 30/04/1975 thành lập Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương trực thuộc Ngân hàng Khu Trung Trung bộ tiền thân của VCB Đà Nẵng. Theo Quyết định số 142/NH/QĐ ngày 27/12/1976, Tổng giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ra quyết định thành lập lại Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng trực thuộc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, nay là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

##### **2.1.2 Mô hình tổ chức và quản lý**

Cơ cấu tổ chức của VCB Đà Nẵng hiện nay như sau :

Ban giám đốc: 1 Giám đốc và 3 phó Giám đốc

Dưới Ban Giám đốc: Có 17 phòng ban và 01 tổ.

##### **2.1.3 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2007-2010**

Nhìn chung trong năm 2010, Tổng thu nhập của VCB Đà Nẵng có mức độ tăng trưởng thấp hơn so với các năm trước trong khi các khoản chi phí lại tăng cao khiến cho khoản chênh lệch thu chi trong năm 2010 chỉ đạt 92.084 triệu đồng, giảm 20,87% so với chênh lệch thu chi thực hiện trong năm 2009

##### **2.1.3.1 Công tác huy động vốn**

Tình hình huy động vốn tại VCB Đà Nẵng có sự tăng trưởng qua các năm, tuy nhiên thị phần huy động vốn của VCB ĐN nói có xu hướng bị thu hẹp. Đến cuối năm 2010 thị phần huy động vốn của VCB ĐN chỉ còn 7,72% huy động vốn trên địa bàn.

##### **2.1.3.2 Công tác cho vay**

Nhìn chung qua số liệu thống kê cho thấy dư nợ cho vay của VCB Đà Nẵng đều có sự tăng trưởng qua các năm, tuy nhiên mức độ tăng trưởng thực sự không cao so với các Ngân hàng khác trên địa bàn khiến cho thị phần tín dụng của VCB Đà Nẵng liên tục bị thu hẹp dần, từ mức 8,56% của năm 2007 xuống còn 4,9% của năm 2010. Tuy nhiên đây cũng là định hướng chung của VCB Đà Nẵng về việc kiểm soát tăng trưởng tín dụng ở mức đảm bảo, ưu tiên về chất lượng hơn là về tốc độ tăng trưởng tín dụng.

##### **2.1.3.3 Công tác thanh toán Xuất nhập khẩu**

Kim ngạch thanh toán xuất nhập khẩu đã có sự tăng trưởng trở lại trong 02 năm trở lại đây. Nhìn chung trong cơ cấu kim ngạch thanh toán XNK tại VCB Đà Nẵng trong những năm gần đây cho thấy, kim ngạch thanh toán hàng xuất khẩu tại Chi nhánh vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn so với hàng nhập khẩu.

##### **2.1.3.4 Hoạt động thẻ**

Hoạt động kinh doanh thẻ là một trong những hoạt động kinh doanh mũi nhọn của Chi nhánh. Trong năm 2010, VCB Đà Nẵng đã

đạt được danh hiệu đơn vị dẫn đầu về hoạt động thẻ trong toàn hệ thống VCB

### 2.1.3.5 Hoạt động Ngân quỹ

Hoạt động thu chi tiền mặt tại VCB Đà Nẵng nhìn chung năm sau đều tăng hơn so với năm trước. Tuy nhiên số tiền chi ra vẫn vượt cao hơn so với số tiền thu vào của Chi nhánh..

## 2.2 Thực trạng hoạt động cho vay DN XNK tại VCB Đà Nẵng giai đoạn 2007-2010

### 2.2.1 Quy định và quy trình thực hiện nghiệp vụ cho vay doanh nghiệp XNK tại VCB Đà Nẵng

Hiện vẫn chưa xây dựng được sản phẩm cho vay đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu để hướng dẫn tác nghiệp đối với các khoản vay tài trợ xuất nhập khẩu. Vì vậy, các khoản cho vay xuất nhập khẩu vẫn được các cán bộ tín dụng của VCB Đà Nẵng thực hiện và thẩm định theo quy trình tín dụng hiện hành của Vietcombank đang áp dụng là quy trình tín dụng dành cho khách hàng doanh nghiệp, bao gồm 8 bước.

### 2.2.2. Chính sách cho vay doanh nghiệp XNK của VCB Đà Nẵng

Hiện đang thực hiện cho vay dựa trên nền tảng chính sách cho vay nói chung của ngân hàng.

### 2.2.3. Thực trạng cho vay đối với doanh nghiệp XNK tại VCB Đà Nẵng

#### 2.2.3.1. Dư nợ cho vay XNK

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Dư nợ	%	Dư nợ	%	Dư nợ	%	Dư nợ	%
<b>Tổng dư nợ XNK</b>	<b>908</b>	<b>100%</b>	<b>813</b>	<b>100%</b>	<b>558</b>	<b>100%</b>	<b>1.005</b>	<b>100%</b>
- Dư nợ XK XK	239	26,35	173	21,27	42	7,50	366	36,41
- Dư nợ NK	669	73,65	640	78,73	516	92,50	639	63,59

Qua bảng số liệu trên cho thấy dư nợ cho vay XNK của VCB Đà Nẵng qua các năm trở lại đây có sự trỗi sụt không ổn định. Tính đến năm 2010 Tổng dư nợ XNK đã có sự tăng mạnh, đạt 1.005 tỷ đồng, tăng 80% so với số liệu đạt được của năm 2009, cao nhất trong 04 năm trở lại đây.

#### 2.2.3.2. Cơ cấu dư nợ cho vay XNK

Tính đến năm 2010, dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm 65,05%, tỷ lệ dư nợ ngoại tệ là 62,11%, đang tập trung dư nợ lớn vào một số ngành nghề và tập trung dư nợ ở loại hình doanh nghiệp có quy mô lớn. Ngoài ra, tỷ trọng dư nợ cho vay DN XNK tại VCB Đà Nẵng năm 2010 chỉ chiếm 46% tổng dư nợ tại VCB Đà Nẵng.

#### 2.2.3.3. Dư nợ xấu trong cho vay XNK

Năm Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Nợ xấu VCB ĐN	0,454	62,537	61,416	88,838
Nợ xấu DN XNK	-	1,994	26,533	12,8
%Dư nợ xấu XNK/Tổng Nợ xấu	0,00%	3,19%	43,20%	14,41%

Chất lượng dư nợ cho vay XNK của VCB Đà Nẵng từ năm 2007 đến 2010 cho thấy nợ xấu trong cho vay XNK của VCB Đà Nẵng hiện đã được cải thiện đáng kể, không có nợ nhóm 5

## 2.3. Thực trạng quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK tại VCB Đà Nẵng.

### 2.3.1 Thực trạng công tác nhận diện rủi ro

- Trình độ chuyên môn cán bộ tín dụng: Trình độ từ đại học trở lên, được đào tạo bài bản. Tuy nhiên, kinh nghiệm còn khá nhiều hạn chế.

- Hệ thống xếp hạng tín dụng: Hiện VCB đã xây dựng được hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, 100% doanh nghiệp XNK có dư nợ tín dụng tại VCB Đà Nẵng đều được thực hiện chấm điểm xếp hạng.

- Công tác dự báo, thông tin ngành: Công tác hỗ trợ cho CBTD về thông tin ngành và dự báo hiện vẫn còn nhiều hạn chế, không phải là công cụ hỗ trợ đắc lực cho CBTD trong công tác thẩm định

- Nhận diện rủi ro thanh toán: Thanh toán quốc tế luôn chứa đựng những rủi ro bởi không chỉ liên quan đến các yếu tố chủ quan từ phía khách hàng là doanh nghiệp XNK mà còn liên quan đến các yếu tố từ nước ngoài.

- Mức độ tập trung danh mục tín dụng tại VCB Đà Nẵng cho thấy độ tập trung dư nợ vào một số ngành hàng là tương đối cao, tiềm ẩn rủi ro về danh mục đầu tư là khá lớn.

- Nhận diện rủi ro tỷ giá: Tỷ trọng dư nợ USD trong cơ cấu dư nợ XNK vẫn chiếm tỷ lệ chủ yếu, chiếm 62,11% vào năm 2010. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp cho Ngân hàng khi đến hạn và bị động về tỷ giá.

### **2.3.2 Đo lường rủi ro cho vay XNK**

\* Đánh giá rủi ro khách hàng vay: Theo kết quả xếp hạng doanh nghiệp qua các năm cho thấy chiếm tỷ trọng nợ xấu cao nhất trong cho vay DN XNK tại VCB Đà Nẵng nằm ở mô hình DN lớn. Ngoài ra số liệu cũng cho thấy nợ xấu cũng tập trung ở dư nợ cho vay nhập khẩu.

\*Đánh giá rủi ro khoản vay: Việc đánh giá về rủi ro, hiệu quả của từng khoản vay, từng phương án vay vốn VCB Đà Nẵng vẫn chưa có công cụ chuyên biệt.

### **2.3.3 Thực trạng công tác giám sát, xử lý, khắc phục rủi ro**

Khả năng phát hiện kịp thời những biến động bất lợi; mặt khác, cơ chế thông tin qua lại giữa các bộ phận còn nhiều bất cập nên sự tham gia Quản lý nợ rất hạn chế.

Để xử lý nợ xấu một cách hiệu quả, Ban giám sát xử lý nợ xấu của NH TMCP NT yêu cầu các Chi nhánh linh hoạt trong xây dựng các giải pháp xử lý nợ phù hợp với tình hình thực tế.

Với những nỗ lực của VCB ĐN, tổn thất tín dụng đã được giảm thiểu đáng kể, góp phần lành mạnh hóa tình hình tài chính. Đối với nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro, VCB ĐN xác định rõ việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu là giải pháp để lành mạnh hóa tình hình tài chính.

### **2.3.4 Phòng ngừa và ngăn chặn rủi ro cho vay XNK**

Công tác phát hiện rủi ro tín dụng của Chi nhánh mang tính thụ động, chủ yếu là xử lý khi những dấu hiệu rủi ro đã xuất hiện. Khả năng dự báo và phòng ngừa từ xa chưa tốt; hệ thống thông tin thị trường và xử lý thông tin qua các phân tích, dự báo chưa tốt; công tác kiểm tra sử dụng vốn còn hời hợt.

Để hạn chế tổn thất khi rủi ro xảy ra, VCB Đà Nẵng có chủ trương:

- Yêu cầu mua bảo hiểm.

- Tăng cường tài sản đảm bảo, tuy nhiên đối với những khách hàng lớn, uy tín, và có mức xếp hạng tốt tại VCB Đà Nẵng thường được Chi nhánh cấp tín dụng khá cao so với giá trị tài sản đảm bảo. Dẫn đến tỷ trọng dư nợ cho vay xuất nhập khẩu được bảo đảm bằng tài sản của VCB Đà Nẵng có xu hướng giảm dần qua các năm, gây ra rủi ro đối với hoạt động cho vay xuất nhập khẩu của ngân hàng. Năm 2010 dư nợ XNK có tài sản bảo đảm đạt 735 tỷ đồng, chiếm 73,1% tổng dư nợ XNK.

- Biện pháp cuối cùng khi đã áp dụng các biện pháp trên là trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

## **2.4 Đánh giá chung**

### **2.4.1 Những kết quả đạt được**

- Quy trình tín dụng được chuẩn hóa, có hệ thống và chặt chẽ tại từng khâu

- Chính sách cho vay xuất nhập khẩu linh hoạt, phù hợp với biến động của thị trường xuất nhập khẩu.

- Công tác thẩm định khách hàng, thẩm định tình hình tài chính, và phê duyệt cho vay được đặc biệt chú trọng

- Hoạt động kiểm tra tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp luôn được tiến hành thường xuyên, liên tục

- Chất lượng của các DN XNK vay vốn tại VCB ĐN khá tốt

- Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn của VCB Đà Nẵng cũng đang thay đổi theo hướng tăng dần dư nợ kì hạn ngắn và giảm dư nợ kì hạn trung và dài

- Công tác thu nợ quá hạn, nợ xấu đã được quan tâm đúng mức

### **2.4.2 Hạn chế**

- Dư nợ xấu XNK có sự tăng đột biến tại một số thời điểm

- Cơ cấu dư nợ xuất nhập khẩu của Vietcombank có sự mất cân đối nghiêm trọng. Tỷ trọng cho vay nhập khẩu là chủ yếu, chiếm trên 70% tổng dư nợ cho vay XNK qua các năm

- Dư nợ cho vay XNK tại VCB Đà Nẵng vẫn còn tập trung vào một số ngành, lĩnh vực.

- Tỷ lệ dư nợ cho vay có tài sản đảm bảo tại VCB Đà Nẵng đang có sự giảm dần

- Sự tuân thủ quy trình tín dụng của NH TMCP NT có những thời điểm chưa nghiêm và thiếu thận trọng

- Quy định về chính sách khách hàng: Các chính sách phí, lãi suất của VCB Đà Nẵng áp dụng đối với khách hàng nói chung và DN XNK nói riêng chưa có sự rõ ràng, chính sách khách hàng thiếu đi tính hợp lý và khoa học

### **2.4.3 Nguyên nhân**

#### **2.4.3.1 Nguyên nhân từ phía Ngân hàng**

- Hoạt động huy động vốn gặp nhiều khó khăn

- Hệ thống thông tin cảnh báo rủi ro về ngành, lĩnh vực kinh tế của Vietcombank cho đến nay còn hạn chế.

- Công tác quản lý tài sản bảo đảm gặp khó khăn

- Trình độ cán bộ tín dụng chưa đồng đều và thiếu kinh nghiệm trong công tác thẩm định khoản vay

- Quá trình kiểm tra, giám sát sau khi cho vay của ngân hàng còn nhiều sơ hở

- Xác định giới hạn tín dụng chưa hợp lý

- Quy trình tín dụng quá chặt chẽ

- Hình thức đầu tư tín dụng và các dịch vụ thanh toán của VCB Đà Nẵng đang cung cấp chưa đa dạng và thiếu linh hoạt.

#### **2.4.3.2 Nguyên nhân từ phía khách hàng**

- Phương án kinh doanh của nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu chưa hợp lý.

- Bên cạnh những khách hàng có quan hệ tín dụng truyền thống, có uy tín, VCB Đà Nẵng vẫn đang tiếp tục mở rộng và tìm kiếm khách hàng mới. Nhóm khách hàng này tiềm ẩn rủi ro khá lớn.

#### **2.4.3.3 Nguyên nhân do cơ chế Nhà nước**

- Chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của NHNN thiếu linh hoạt.

- Môi trường kinh tế chưa thực sự ổn định



## TÓM TẮT CHƯƠNG II

### CHƯƠNG III QUẢN TRỊ RỦI RO CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU TẠI NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

#### 3.1. Các căn cứ đề xuất

##### 3.1.1. Sự phát triển và mục tiêu định hướng của hoạt động xuất nhập khẩu tại TP Đà Nẵng.

Theo số liệu thống kê kết quả hoạt động xuất nhập khẩu đạt được trong thời gian qua có sự chuyển biến tích cực: Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 631,9 triệu USD, tăng 24,14%. Kim ngạch nhập khẩu 753,55 triệu USD, tăng 15,62% so cùng kỳ năm trước.

Mục tiêu phát triển xuất nhập khẩu của Thành phố Đà Nẵng đến năm 2020: Tiếp tục chú trọng sản xuất đẩy mạnh phát triển hoạt động xuất khẩu, mục tiêu dự kiến kim ngạch xuất khẩu thời kỳ 2011-2020 tăng bình quân 19 - 20%/năm.

Định hướng phát triển XNK của TP vẫn luôn dựa trên định hướng phát triển của cả nước với chiến lược khuyến khích XK, hạn chế NK; đặc biệt là NK đối với mặt hàng xa xỉ.

##### 3.1.2 Quan điểm chỉ đạo của Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (VCB) về chính sách tín dụng & quản trị rủi ro tín dụng đến năm 2015.

###### 3.1.2.1 Quan điểm

- Nguyên tắc chung về chính sách tín dụng: Tuân thủ pháp luật; Phù hợp với chiến lược hoạt động kinh doanh của VCB trong từng thời kỳ; Tôn trọng quyền tự quyết của Giám đốc Chi nhánh vừa đảm bảo mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng; Quan điểm bình đẳng và hướng tới khách hàng; Đề cao trách nhiệm cá nhân.

- Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

- Hình thức quản trị rủi ro tín dụng.

###### 3.1.2.2 Mục tiêu

- Giảm thiểu rủi ro tín dụng
- Phân tán rủi ro
- Tăng khả năng phòng ngừa rủi ro tín dụng
- Xây dựng cơ chế nợ xấu uyển chuyển
- Nâng cao hiệu quả hoạt động

##### 3.1.3 Định hướng phát triển cho vay DN xuất nhập khẩu

VCB Đà Nẵng phần đầu duy trì tỷ trọng cho vay XNK ở mức cao, chuyển dịch cơ cấu tỷ trọng dư nợ cho vay XNK theo hướng giảm tỷ trọng cho vay NK và tăng tỷ trọng cho vay XK, để đảm bảo sự cân bằng giữa XK và NK, đồng thời cũng góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia trong giảm tỷ lệ nhập siêu.

Làm tốt công tác tìm kiếm khách hàng, mở rộng cho vay đối với mọi thành phần kinh tế

Ưu tiên đáp ứng vốn cho sản xuất, lưu thông, xuất khẩu và nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu, trên cơ sở cắt giảm những lĩnh vực chưa thực sự cần thiết như cho vay bất động sản, cho vay chứng khoán, cho vay tiêu dùng.

#### 3.2 Hoàn thiện công tác nhận diện rủi ro

##### 3.2.1. Nâng cao chất lượng công tác thu thập, xử lý thông tin phòng ngừa rủi ro

Để nâng cao chất lượng công tác thu thập thông tin phòng ngừa rủi ro đạt hiệu quả, các biện pháp mà VCB Đà Nẵng cần thực hiện là:

Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin phòng ngừa rủi ro

Tăng cường trang bị các phương tiện thông tin hiện đại cho bộ phận thông tin phòng ngừa rủi ro

Cần yêu cầu khách hàng có nghĩa vụ báo cáo kịp thời tình hình hoạt động và coi đây là một điều kiện bắt buộc để được tiếp tục quan hệ tín dụng.

Nên có quy chế cụ thể về việc nhận, cung cấp thông tin cho trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng nhà nước (CIC). Đồng thời, VCB Đà Nẵng nên đầu tư để mua tin từ một số tổ chức và trang web có uy tín chuyên cung cấp thông tin về thị trường, giá cả, khách hàng nhằm thu thập được một lượng thông tin lớn và chính xác.

### **3.2.2. Tăng cường công tác thẩm định cho vay xuất nhập khẩu**

Để quản trị rủi ro cho vay xuất nhập khẩu, thì đòi hỏi ngân hàng phải tăng cường công tác thẩm định trên cơ sở tập trung thực hiện tốt hai vấn đề sau:

- Thu thập thông tin và xử lý thông tin khách hàng: VCB Đà Nẵng cần chú trọng công tác thu thập thông tin về doanh nghiệp, về ngành hàng xuất nhập khẩu từ nhiều nguồn thông tin được đảm bảo chính xác và khác nhau.

- Thẩm định cho vay: Thực hiện phân tích và thẩm định chính xác rủi ro tổng thể của khách hàng thông qua xác định giới hạn tín dụng theo định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm. Công việc này sẽ giúp cho ngân hàng có cái nhìn tổng thể về tình hình tài chính, chất lượng kinh doanh và đánh giá triển vọng phát triển của doanh nghiệp để nhận thấy những rủi ro của doanh nghiệp, định ra một giới hạn tín dụng hợp lý, nằm trong giới hạn chịu nợ của khách. Bên cạnh việc định ra giới hạn tín dụng cần kèm theo các điều kiện tín dụng khác, đặc biệt là điều kiện về tổng dư nợ vay và cơ cấu tài chính của khách hàng, nhằm đảm bảo mức độ an toàn trong kinh doanh.

### **3.2.3. Nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc của cán bộ thẩm định cho vay**

Để nâng cao chất lượng cán bộ thẩm định cho vay, VCB Đà Nẵng cần thực hiện:

- Tổ chức cho cán bộ tín dụng tham gia học tập các khóa học để tập huấn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm do Vietcombank, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức quốc tế tổ chức.

- Khuyến khích cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học, đưa ra những giải pháp hiệu quả và những sản phẩm mới cho ngân hàng

- Song song với công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, Vietcombank cần chú ý tới việc rèn luyện đạo đức cán bộ tín dụng ngân hàng

## **3.3 Hoàn thiện công tác đo lường rủi ro cho vay xuất nhập khẩu**

### **3.3.1. Tăng cường công tác đánh giá rủi ro khách hàng vay và rủi ro khoản vay**

Để thực hiện tốt yêu cầu này, cần chú trọng đến phân tích định lượng, lượng hóa mức độ rủi ro của khách hàng qua đánh giá các số liệu, đồng thời kết hợp với phân tích định tính để nhận ra những rủi ro tiềm tàng và khả năng kiểm soát, hạn chế những rủi ro đó của ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro trong cho vay, đòi hỏi các cán bộ thẩm định phải tập trung thẩm định kỹ các khía cạnh sau của doanh nghiệp xuất nhập khẩu:

- Tư cách khách hàng vay

- Thẩm định năng lực pháp lý của khách hàng

- Thẩm định tư cách uy tín của khách hàng

- Thẩm định năng lực tài chính của khách hàng

- Phương án vay vốn của doanh nghiệp xuất nhập khẩu
- Nguồn trả nợ ngân hàng
- Tài sản bảo đảm
- Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

### **3.3.2. Hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ**

- Xây dựng các bộ chỉ tiêu chấm điểm cho từng đối tượng là khách hàng
- Cập nhật thêm thông tin khách hàng liên tục theo quý
- Cần xây dựng các module báo cáo để có thể khai thác số liệu báo cáo nhanh chóng phục vụ cho công tác quản lý, điều hành dựa trên kho dữ liệu thông tin về khách hàng qua thời gian

## **3.4 Hoàn thiện công tác giám sát, xử lý và khắc phục.**

### **3.4.1. Quản lý giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình giải ngân và sau khi cho vay**

Giải ngân theo đúng các quyết định cấp tín dụng của cấp phê duyệt đảm bảo việc sử dụng vốn vay có đầy đủ chứng từ chứng minh và hợp lệ. Hạn chế giải ngân bằng tiền mặt.

Cần thực hiện kiểm soát chặt chẽ sau khi cho vay.

### **3.4.2. Chú trọng công tác quản lý, khắc phục và thu hồi nợ**

Trước hết, để ngăn ngừa nợ xấu phát sinh, cán bộ ngân hàng phải có kỹ năng và kinh nghiệm thẩm định để xác định lịch trả nợ đúng, phù hợp với chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp, tránh gây căng thẳng về vốn cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp trả nợ đúng hạn. Sau khi cho vay, cán bộ cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của doanh nghiệp, tránh việc doanh nghiệp sử dụng tiền vay sai mục đích. Đồng thời, cán bộ phải có trách nhiệm thường xuyên nhắc nợ và đôn đốc khách hàng trả nợ, tránh để phát sinh nợ quá hạn không đáng có.

Cần phát hiện sớm các khoản cho vay có dấu hiệu bị đe dọa.

### **3.4.3. Thực hiện các biện pháp xử lý nợ**

Đối với các khoản cho vay mà sau khi phát hiện và thực hiện các biện pháp hỗ trợ vẫn không có tác dụng dẫn đến nợ quá hạn, hoặc đã bị phân loại vào nhóm nợ xấu khi đó Ngân hàng cần nhanh chóng thực hiện các biện pháp về khai thác và thanh lý tài sản

- Biện pháp khai thác: Ngân hàng có thể gia hạn hợp đồng tín dụng, giảm quy mô hoàn trả trước mắt hoặc có thể giãn nợ cho các doanh nghiệp.

- Biện pháp thanh lý tài sản thế chấp: Khi mà mọi biện pháp hỗ trợ khách hàng trả nợ không còn hiệu quả, Ngân hàng sẽ sử dụng biện pháp thanh lý nợ bao gồm hình thức gán nợ hay khởi kiện.

## **3.5 Hoàn thiện công tác phòng ngừa và ngăn chặn**

### **3.5.1. Hoàn thiện chính sách cho vay và chính sách đảm bảo vốn cho vay xuất nhập khẩu**

\* *Chính sách cho vay xuất nhập khẩu*: đòi hỏi phải hợp lý và có tính linh hoạt và áp dụng chung cho toàn hệ thống Vietcombank và bao hàm được các yếu tố sau:

- Định hướng khách hàng chất lượng tốt.
- Lên kế hoạch về hạn mức cho vay xuất nhập khẩu hàng năm.
- Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, tìm hiểu tình hình thị trường XNK, tìm hiểu các thông tin về ngành nghề XNK.
- Chính sách mở rộng đối tượng khách hàng theo quy mô.
- Chú trọng công tác báo cáo, theo dõi khoản vay xuất nhập khẩu theo từng ngành hàng, mặt hàng đầu tư để phục vụ công tác quản lý và quyết định cho vay...
- Nâng cao công tác tìm hiểu, nắm bắt được nhu cầu về sản phẩm cho vay của doanh nghiệp XNK.

- Nên triển khai áp dụng linh hoạt các chính sách lãi suất ưu đãi, chính sách phí ưu đãi đối với nhiều đối tượng doanh nghiệp xuất nhập khẩu những ngành hàng thiết yếu và quan trọng của nền kinh tế.

\* *Nghiên cứu ban hành chính sách đảm bảo tín dụng*: Ngân hàng cần sớm ban hành chính sách bảo đảm an toàn tín dụng, trong đó quy định rõ các vấn đề:

- Các hình thức bảo đảm và điều kiện của doanh nghiệp để có thể sử dụng các hình thức bảo đảm

- Chính sách bảo đảm cần quy định chi tiết mức cho vay tối đa đối với mỗi loại tài sản được sử dụng để bảo đảm cho khoản vay

Nên xem xét quy định thêm trong trường hợp nào, hoặc với đối tượng doanh nghiệp XNK nào thì cần yêu cầu doanh nghiệp mua bảo hiểm cho hàng hóa XNK và bảo hiểm tín dụng XNK để đảm bảo thu hồi nợ trong trường hợp khách hàng gặp rủi ro.

\* *Tăng cường giá trị tài sản đảm bảo đối với cho vay Doanh nghiệp nhập khẩu*: Theo thống kê tỷ lệ nợ xấu trong cho vay DN XNK tại VCB ĐN có sự tập trung chủ yếu vào dư nợ Nhập khẩu và loại hình doanh nghiệp lớn. Chính vì vậy, bên cạnh việc tăng cường tài sản đảm bảo khi cho vay loại hình này thì trong những năm đến cần cần trọng cho vay loại hình doanh nghiệp nhập khẩu trên cơ sở đánh giá toàn diện những rủi ro có thể nảy sinh.

### **3.5.2. Chủ động phân tán rủi ro khi cho vay**

Để quản trị rủi ro cho vay xuất nhập khẩu, ngân hàng có thể phân tán rủi ro thông qua phân tán dư nợ cho nhiều ngành nghề kinh tế, nhiều loại mặt hàng song nên hạn chế cho vay đối với ngành nghề rủi ro cao, những loại sản phẩm mà thị trường có dấu hiệu bão hòa, không còn khả năng cạnh tranh. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng nên phân tán rủi ro bằng cách đa dạng hóa khách hàng vay, không nên tập

trung quá nhiều vốn cho một khách hàng vay thông qua việc tăng số lượng khách hàng XNK vay vốn tại VCB Đà Nẵng. Tuy nhiên trong mọi trường hợp, khách hàng phải đáp ứng được các tiêu chuẩn vay vốn mà VCB Đà Nẵng đề ra để đảm bảo an toàn...

### **3.5.3. Thực hiện nghiêm túc công tác trích lập quỹ dự phòng rủi ro**

### **3.5.4. Nâng cao chất lượng các nghiệp vụ, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu**

Chủ động cân đối nguồn vốn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và sử dụng các công cụ phái sinh trong mua bán ngoại tệ, nắm bắt kịp thời xu hướng tỷ giá để giúp phòng ngừa rủi ro.

## **3.6 Một số kiến nghị**

### **3.6.1. Kiến nghị đối với Chính phủ, các cơ quan Bộ, Ngành Trung ương**

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về hệ thống ngân hàng.
- Đề cao vai trò điều phối chính sách và hoạt động của NHNN và Bộ tài chính.
- Các bộ, ngành cần phối hợp chặt chẽ với NHNN trong quá trình hoàn thiện khuôn khổ pháp lý.
- Cần xây dựng những chính sách mặt hàng xuất nhập khẩu hợp lý
- Tăng cường sự hợp tác quốc tế.
- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong hoạt động XNK.

### **3.6.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng nhà nước**

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách, quy định về tổ chức hoạt động và quản lý, điều hành thị trường tiền tệ.
- Điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ.
- Cần chú trọng điều hành linh hoạt thị trường ngoại hối.
- Tăng cường vai trò giám sát hệ thống NHTM của NHNN.

- Tăng cường đầu tư kỹ thuật, công nghệ và cả con người.

### 3.6.3. Kiến nghị đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu

- Các doanh nghiệp XNK cần lập kế hoạch quản lý và sử dụng nguồn vốn hợp lý.

- Không nên coi nguồn vốn ngân hàng là nguồn vốn chính của DN.

- Các doanh nghiệp XNK cần công khai, minh bạch hệ thống sổ sách kế toán của mình và tuân thủ những quy định của pháp luật về kế toán.

- Các doanh nghiệp XNK phải tìm hiểu, nghiên cứu sâu các quy định của pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu.

- Các doanh nghiệp XNK cần phải am hiểu về mặt tài chính.

- Nên chọn những khách hàng truyền thống, khách hàng có chi nhánh hoặc văn phòng giao dịch tại Việt Nam, hạn chế mua bán qua trung gian.

- Nên lựa chọn phương thức thanh toán thích hợp, có mức độ rủi ro ít nhất tùy theo từng trường hợp cụ thể

- Các doanh nghiệp XNK nên tham gia bảo hiểm tín dụng XNK

## TÓM TẮT CHƯƠNG III

### KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, trước yêu cầu đổi mới nền kinh tế theo hướng mở cửa và đặc biệt là nhu cầu sử dụng vốn ngày càng tăng của các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu, Vietcombank nói chung và VCB Đà Nẵng nói riêng luôn định hướng các doanh nghiệp xuất nhập khẩu đã đang và sẽ là những đối tượng tiềm năng mà vietcombank hướng tới. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau: nguyên nhân từ phía Ngân hàng, từ phía khách hàng và từ môi trường

nên hoạt động cho vay XNK vẫn tồn tại cần khắc phục, sửa đổi để hoạt động cho vay XNK tại VCB Đà Nẵng ngày càng mở rộng, chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng tín dụng, góp phần đáp ứng nhu cầu vốn còn rất lớn phát triển nền kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh doanh của VCB Đà Nẵng.

Hiện nay, tuy chất lượng cho vay xuất nhập khẩu của VCB Đà Nẵng đang ở mức độ an toàn, song vẫn còn nhiều bất ổn, cùng với một nền kinh tế có nhiều biến động và nhiều thách thức, VCB Đà Nẵng cần tích cực giữ vững những thuận lợi và những thành tựu đã đạt được và nhanh chóng sửa đổi và hoàn thiện một số mặt còn yếu để công tác quản trị rủi ro cho vay xuất nhập khẩu ngày một nâng cao.

Luận văn được viết trên cơ sở kết hợp lý thuyết về rủi ro tín dụng trong cho vay XNK tại NHTM và cùng với kinh nghiệm tín dụng của bản thân. Tuy vậy, với những hạn chế về kiến thức, lý thuyết, thực tiễn trong khi tình hình môi trường kinh doanh luôn thay đổi một cách nhanh chóng, nên luận văn vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp của Quý Thầy, Quý Cô, các anh chị em đồng nghiệp. Nhân đây, tôi cũng xin ngỏ lời cảm ơn chân thành đến GVHD PGS TS Nguyễn Thị Như Liêm, là người đã tận tình hướng dẫn cho tôi hoàn thành luận văn này.